|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-UBND | *Đắk Nông, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng Chuyển đổi số**

**trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;*

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

*Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số ..../TTr-STTTT ngày tháng 8 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2.** Quyết định này là căn cứ để các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện kế hoạch chuyển đổi số hàng năm tại cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá, thẩm định kết quả chuyển đổi số gắn với đánh giá kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh về ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3;  - Bộ TT&TT (b/c);  - Thường trực Tỉnh ủy (b/c);  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh;  - Thường trực các Huyện ủy, Thành ủy;  - Các PCVP UBND tỉnh; - Cổng thông tin điện tử tỉnh; - Lưu: VT, ... | **CHỦ TỊCH**  **Hồ Văn Mười** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ**

**TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH ĐẮK NÔNG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022*

*của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Bộ chỉ số quy định phương pháp đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Digital Transformation Index - DTI).

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy định Bộ chỉ số áp dụng với các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh gồm:

- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan ngang Sở, ngành;

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, bao gồm các cơ quan chuyên môn;

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

c) Khuyến khích các cơ quan thuộc khối Đảng, Đoàn thể; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp khác căn cứ Bộ tiêu chí này tham gia đánh giá nhằm xếp hạng chuyển đổi số của cơ quan mình để thấy được điểm mạnh cần phát huy, những điểm yếu cần khắc phục.

**Điều 2. Mục đích, yêu cầu**

1. Mục đích

a) Để đánh giá, xếp hạng các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị) về kết quả thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số, là cơ sở để tổng hợp dữ liệu phục vụ công tác đánh giá chuyển đổi số của tỉnh Đắk Nông.

b) Giúp UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh lãnh đạo các cơ quan, đơn vị theo dõi đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, đơn vị. Đồng thời, kịp thời nắm bắt để chỉ đạo, đôn đốc quá trình triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số.

c) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trong công tác xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy.

# 2. Yêu cầu

a) Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông phải được xây dựng phù hợp với định hướng và mục tiêu Chương trình Chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Bộ chỉ số phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

c) Tăng cường sự tham gia đánh giá của các tổ chức, cá nhân có chuyên môn trong quá trình đánh giá chuyển đổi số.

d) Bộ chỉ số này có tính mở và được cập nhật, phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện đánh giá, xếp hạng**

1. Việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị phải bảo đảm tính khoa học, công khai, khách quan, minh bạch, phản ánh đúng thực trạng công tác Chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị trong quá trình đánh giá.

2. Cho phép cơ quan, đơn vị có thể tự đánh giá và đối chiếu với kết quả đánh giá thông qua việc công khai phương pháp đánh giá, cách tính điểm đối với các nội dung, tiêu chí đánh giá.

**Chương II**

# NỘI DUNG BỘ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ

**Điều 4. Nội dung Chỉ số đánh giá**

**1.** Đối với các cơ quan nhà nước cấp Sở, ngành:Thang điểm tính tối đa là **1000** **điểm**, gồm 7 chỉ số chính, 44 tiêu chí (DTI cấp sở, ngành)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ số chính** *(7 chỉ số chính)* | **Chỉ số thành phần** *(44 chỉ số thành phần)* | **Tổng điểm tối đa (1000)** |
| **I** | **Nhóm chỉ số nền tảng chung** | **23** | **600** |
| 1 | Nhận thức số | 4 | 100 |
| 2 | Thể chế số | 5 | 100 |
| 3 | Hạ tầng số | 2 | 100 |
| 4 | Nhân lực số | 4 | 100 |
| 5 | An toàn thông tin mạng | 8 | 200 |
| **II** | **Nhóm chỉ số hoạt động** | **21** | **400** |
| 6 | Hoạt động chính quyền số | 16 | 300 |
| 7 | Hoạt động xã hội số | 5 | 100 |

*(Chi tiết Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ Chuyển đổi số cấp Sở tại Phụ lục I)*

**2.** Đối với cơ quan nhà nước cấp Huyện (DTI cấp huyện):Thang điểm tính tối đa là **1000 điểm**, chia làm 02 nhóm chỉ số, Nhóm chỉ số nền tảng chung (500 điểm) và Nhóm chỉ số hoạt động (500 điểm):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ số chính** *(8 chỉ số chính)* | **Chỉ số thành phần** *(79 chỉ số thành phần)* | **Tổng điểm tối đa (1000)** |
| **I** | **Nhóm chỉ số nền tảng chung** | **39** | **500** |
| 1 | Nhận thức số | 6 | 100 |
| 2 | Thể chế số | 8 | 100 |
| 3 | Hạ tầng số | 8 | 100 |
| 4 | Nhân lực số | 9 | 100 |
| 5 | An toàn thông tin mạng | 8 | 100 |
| **II** | **Nhóm chỉ số hoạt động** | **40** | **500** |
| 6 | Hoạt động chính quyền số | 17 | 200 |
| 7 | Hoạt động kinh tế số | 11 | 150 |
| 8 | Hoạt động xã hội số | 12 | 150 |

Từ đó xác định điểm cho 03 trụ cột Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2.1. Trụ cột Chính quyền số** (Tổng điểm **700 điểm**, gồm 6 chỉ số chính và 56 tiêu chí) | | | | | | | | |
| **STT** | **Chỉ số chính** | | | **Tiêu chí** | | **Tổng điểm** | **Ghi chú** | |
| 1 | Nhận thức số | | | 6 | | 100 |  | |
| 2 | Thể chế số | | | 8 | | 100 |  | |
| 3 | Hạ tầng số | | | 8 | | 100 |  | |
| 4 | Nhân lực số | | | 9 | | 100 |  | |
| 5 | An toàn thông tin mạng | | | 8 | | 100 |  | |
| 6 | Hoạt động chính quyền số | | | 17 | | 200 |  | |
|  |  | | | **56** | | **700** |  | |
| **2.2. Trụ cột Kinh tế số** (Tổng điểm **550 điểm**, gồm 6 chỉ số chính và 50 tiêu chí) | | | | | | | |
| **STT** | | **Chỉ số chính** | **Tiêu chí** | | **Tổng điểm** | | **Ghi chú** |
| 1 | | Nhận thức số | 6 | | 100 | |  |
| 2 | | Thể chế số | 8 | | 100 | |  |
| 3 | | Hạ tầng số | 8 | | 100 | |  |
| 4 | | Nhân lực số | 9 | | 100 | |  |
| 5 | | An toàn thông tin mạng | 8 | | 100 | |  |
| 6 | | Hoạt động kinh tế số | 11 | | 150 | |  |
|  | |  | **50** | | **550** | |  |
| **2.3. Trụ cột Xã hội số** (Tổng điểm **450 điểm**, gồm 6 chỉ số chính và 51 tiêu chí) | | | | | | | |
| **STT** | | **Chỉ số chính** | **Tiêu chí** | | **Tổng điểm** | | **Ghi chú** |
| 1 | | Nhận thức số | 6 | | 100 | |  |
| 2 | | Thể chế số | 8 | | 100 | |  |
| 3 | | Hạ tầng số | 8 | | 100 | |  |
| 4 | | Nhân lực số | 9 | | 100 | |  |
| 5 | | An toàn thông tin mạng | 8 | | 100 | |  |
| 6 | | Hoạt động xã hội số | 12 | | 150 | |  |
|  | |  | **51** | | **550** | |  |

*(Chi tiết Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ Chuyển đổi số cấp huyện tại Phụ lục II)*

**Điều 5. Phương pháp đánh giá**

1. Việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị được thực hiện bằng hình thức cho điểm đối với các chỉ số, hạng mục, quy định tại Điều 4 Bộ chỉ số này.

2. Đối với các tiêu chí không áp dụng được với cơ quan, đơn vị (không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, không có đơn vị trực thuộc, không có dịch vụ công trực tuyến do đơn vị không có thủ tục hành chính …) thì điểm được tính bằng số điểm cao nhất của cơ quan, đơn vị đạt được tại các tiêu chí này. Riêng các cơ quan, đơn vị đặc thù, các tiêu chí thành phần không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị thì các tiêu chí đó được tính điểm tối đa.

3. Trong quá trình thu thập số liệu để đánh giá, các tiêu chí không được cung cấp số liệu, không có số liệu báo cáo đối với tiêu chí nào thì giá trị điểm đối với tiêu chí tương ứng được mặc định là 0 điểm.

**Điều 6. Xếp hạng mức độ chuyển đổi số**

1. Việc xếp hạng mức độ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị căn cứ vào điểm đạt của từng cơ quan, đơn vị để đánh giá; việc xếp hạng căn cứ điểm đạt của các cơ quan, đơn vị theo thứ tự từ cao xuống thấp và xác định theo 04 mức là tốt, khá, trung bình và yếu, cụ thể như sau:

- Mức tốt: Là đơn vị có tổng điểm đánh giá từ 80% trở lên tổng điểm;

- Mức khá: Là đơn vị có tổng điểm đánh giá từ 65% đến nhỏ hơn 80% tổng điểm;

- Mức trung bình: Là đơn vị có tổng điểm đánh giá từ 50% đến nhỏ hơn 65% tổng điểm;

- Mức yếu: Là đơn vị có tổng điểm đánh giá nhỏ hơn 50% tổng điểm;

2.Việc xếp hạng mức độ chuyển đổi số theo 02 nhóm cơ quan bao gồm:

a) Xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước cấp Sở, ngành.

b) Xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước cấp Huyện.

**Điều 7. Trình tự, thời gian thực hiện đánh giá, xếp hạng**

1. Cung cấp tài liệu, số liệu

Việc đánh giá, xếp hạng DTI của các cơ quan, đơn vị sẽ thực hiện qua Hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số chuyển đổi số của tỉnh Đắk Nông. Các cơ quan, đơn vị thực hiện việc nhập thông tin, số liệu kết quả chuyển đổi số trực tiếp lên hệ thống.

2. Trình tự thực hiện

a) Sở Thông tin và Truyền thông gửi Văn bản thông báo cho các cơ quan, đơn vị đánh giá, cung cấp số liệu, tài liệu kiểm chứng về tình hình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, số liệu và tài liệu được các cơ quan, đơn vị cung cấp.

b) Các đơn vị, địa phương cử đầu mối tổng hợp, cung cấp đầy đủ thông tin số liệu, kết quả chuyển đổi số của đơn vị  *(lãnh đạo đơn vị, địa phương phải ký xác nhận số liệu)*gửi Sở Thông tin và Truyền thông.

c) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các thành viên Hội đồng thẩm định (là các thành viên thuộc Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông) thực hiện việc kiểm tra số liệu và đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các đơn vị, địa phương theo quy định.

d) Sau khi có kết quả thẩm tra, xác minh Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp số liệu đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị và trình UBND tỉnh công bố kết quả đánh giá, xếp hạng cho các cơ quan, đơn vị được đánh giá.

3. Thời gian thực hiện:

Thời gian thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị được thực hiện trong tháng 10 hàng năm. Số liệu báo cáo được tính từ ngày 01/10 của năm trước đến ngày 01/10 của năm đánh giá.

**Điều 8. Công bố kết quả đánh giá**

a) Việc công bố kết quả đánh giá do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Tổ giúp việc Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh tổng hợp, đánh giá và tham mưu UBND tỉnh quyết định công bố trong Ngày chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông 01/11 hàng năm.

b) Kết quả đánh giá, xếp hạng được công bố công khai trên phần mềm đánh giá, xếp hạng Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông, Cổng thông tin điện tử của tỉnh Đắk Nông, Báo Đắk Nông và Đài phát thanh -Truyền hình tỉnh Đắk Nông.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Thực hiện cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu và tài liệu kiểm chứng về mức độ Chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

2. Tạo điều kiện thuận lợi để Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện việc thẩm tra, xác minh số liệu báo cáo.

3. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh về kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị mình.

**Điều 10. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Chủ trì tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Căn cứ kết quả đánh giá trình UBND tỉnh công bố kết quả đánh giá, xếp hạng.

2. Theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố triển khai rà soát, tập hợp số liệu, đánh giá, tự chấm điểm đảm bảo đúng quy định và kế hoạch hàng năm.

3. Xây dựng và vận hành hệ thống phần mềm đánh giá, xếp hạng Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông cho phép các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông báo cáo trực tuyến, đồng thời cho phép tra cứu trực tuyến kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông.

4. Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ này đưa vào kế hoạch ngân sách chi hàng năm của Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

5. Xây dựng, hiệu chỉnh, bổ sung, sửa đổi các chỉ số đánh giá về chuyển đổi số phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**Điều 11. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh**

Giao Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện thẩm định điểm của Chỉ số chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông.

**Điều 12. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung chỉ số cho phù hợp với điều kiện thực tế./.